

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Vũ Xuân Trung	Phó chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên	
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	
Ông Ngô Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Trần Ngọc Lê	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Trần Hồng Quang	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Bích Thảo	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Nguyễn Thế Tiếp	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Thanh Trang

Số: 230320.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 15/08/2018 và ngày 29/03/2019.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.699.815.285	420.529.046.220
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	179.783.658.944	172.124.412.050
111	1. Tiền		96.969.094.560	127.124.412.050
112	2. Các khoản tương đương tiền		82.814.564.384	45.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	1.000.000.000	61.001.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	61.001.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		152.727.655.596	176.440.421.224
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	127.951.898.085	149.394.512.318
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4.782.213.488	7.300.597.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	20.381.414.442	20.009.815.531
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(387.870.419)	(264.503.773)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.188.500.745	10.962.712.946
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.676.992.016	174.189.151
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.738.242.833	10.750.702.312
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	773.265.896	37.821.483
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		197.717.851.479	208.282.994.538
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.263.634.652	8.874.733.470
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	9.263.634.652	8.874.733.470
220	II. Tài sản cố định		79.553.590.643	75.084.256.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.181.554.230	56.295.762.357
222	- Nguyên giá		153.402.164.777	144.420.383.738
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.220.610.547)	(88.124.621.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.372.036.413	18.788.494.140
228	- Nguyên giá		20.767.171.024	22.381.234.828
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.395.134.611)	(3.592.740.688)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	33.414.180.654	37.380.390.952
231	- Nguyên giá		74.584.104.356	74.584.104.356
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.169.923.702)	(37.203.713.404)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		200.522.727	11.779.255.082
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	200.522.727	11.779.255.082
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	14.148.291.148	13.591.049.498
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.248.600.000	4.458.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.614.263.664	11.614.263.664
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.714.572.516)	(2.481.214.166)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		61.137.631.655	61.573.309.039
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	61.137.631.655	61.573.309.039
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		551.417.666.764	628.812.040.758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		206.517.285.368	282.316.517.153
310	I. Nợ ngắn hạn		204.990.559.284	280.571.965.719
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	81.522.399.140	103.522.121.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7.604.786.398	17.431.115.653
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.417.131.218	12.928.756.880
314	4. Phải trả người lao động		16.890.422.865	28.320.939.746
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.187.977.077	5.137.314.039
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	280.000.000	181.818.182
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	78.928.657.379	105.293.523.420
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	60.000.000	156.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.099.185.207	7.600.376.157
330	II. Nợ dài hạn		1.526.726.084	1.744.551.434
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	500.000.000	500.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	891.726.084	801.551.434
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	135.000.000	443.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		344.900.381.396	346.495.523.605
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	344.900.381.396	346.495.523.605
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		140.964.860.000	140.964.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		140.964.860.000	140.964.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		113.346.962.745	103.029.036.365
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.240.002.725	14.246.587.566
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.348.555.926	88.255.039.674
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		40.035.007.552	36.665.407.774
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.313.548.374	51.589.631.900
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		551.417.666.764	628.812.040.758

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Trần Thị Huế

Võ Trung Thắng



Nguyễn Thị Thanh Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	878.333.399.910	914.803.795.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		878.333.399.910	914.803.795.976
11	4. Giá vốn hàng bán	24	788.997.020.878	822.462.551.190
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.336.379.032	92.341.244.786
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	25.434.726.141	59.806.906.489
22	7. Chi phí tài chính	26	3.924.395.037	4.362.890.560
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.245.232	55.996.272
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	69.275.455.038	85.275.113.420
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.571.255.098	62.510.147.295
31	11. Thu nhập khác	28	1.484.868.332	406.996.462
32	12. Chi phí khác	29	861.183.249	1.582.596.462
40	13. Lợi nhuận khác		623.685.083	(1.175.600.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.194.940.181	61.334.547.295
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	5.881.391.807	9.744.915.395
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.313.548.374	51.589.631.900
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.241	3.096

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Giáo Tổng Giám đốc phụ trách

Trần Thị Huệ

Võ Trung Thắng



Nguyễn Thị Thanh Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.194.940.181	61.334.547.295
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.672.432.421	11.887.158.095
03	Các khoản dự phòng		(5.619.554.154)	2.309.852.044
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		129.970.085	159.512.859
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.595.601.301)	(56.864.173.723)
06	Chi phí lãi vay		38.245.232	55.996.272
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.820.432.464	18.882.892.842
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		21.585.117.832	(8.721.354.218)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		-	877.500
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(69.805.793.559)	6.469.764.822
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.641.989.588)	381.275.922
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.245.232)	(55.996.272)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.878.964.919)	(8.628.614.388)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.216.909.533)	(6.725.547.681)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.176.352.535)	1.603.298.527
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.079.253.762)	(16.678.753.055)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.413.190.908	336.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	(29.501.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.001.500.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị		(2.790.600.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	67.565.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.264.535.782	22.383.114.440
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		79.809.372.928	44.104.815.930

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	2.968.889.940
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(404.000.000)	(2.809.889.940)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở		(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(27.846.327.000)</i>	<i>(25.486.905.500)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.786.693.393	20.221.208.957
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		172.124.412.050	151.791.888.918
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(127.446.499)	111.314.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>179.783.658.944</u>	<u>172.124.412.050</u>

Người lập



Trần Thị Huế

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Thanh Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VND tương đương với 14.096.486 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ, thương mại hàng hải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan);
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistics và kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông - hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, đại lý ký gửi hàng, vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic, mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở) và dịch vụ khai thuê hải quan.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Kiểm đếm hàng rời, hàng công; Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng Hải và Thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	34 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24. Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.26. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.27. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.29. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.004.494.088	3.001.872.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.964.600.472	124.122.539.489
Các khoản tương đương tiền (*)	82.814.564.384	45.000.000.000
	179.783.658.944	172.124.412.050

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-
	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.248.600.000		(3.739.572.516)	4.458.000.000		(2.481.214.166)
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000		(3.739.572.516)	4.458.000.000		(2.481.214.166)
Đầu tư vào đơn vị khác	11.614.263.664	1.545.000.000	(975.000.000)	11.614.263.664		-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	7.400.160.000		-	7.400.160.000		-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần (Mã TVN) (*)	2.020.000.000	1.300.000.000	(720.000.000)	2.020.000.000		-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (Mã VLG) (*)	500.000.000	245.000.000	(255.000.000)	500.000.000		-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.072.836.000		-	1.072.836.000		-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	63.746.040		-	63.746.040		-
- Công ty liên doanh Bông Sen	557.521.624		-	557.521.624		-
	18.862.863.664	1.545.000.000	(4.714.572.516)	16.072.263.664	-	(2.481.214.166)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2019, đối với cổ phiếu niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

⁽¹⁾ Ngày 16/07/2017, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) liên doanh thành lập Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) với vốn điều lệ 1.000.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 20%. Tháng 05/2019, Liên doanh đã tăng vốn điều lệ lên 1.600.000 USD với tỷ lệ góp vốn giữ nguyên. Đến thời điểm 31/12/2019, VOSA đã góp đủ vốn điều lệ 320.000 USD (tương đương 7.248.600.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	Thành phố Hà Nội	0,078%	0,078%	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Thành phố Hà Nội	0,03%	0,03%	Khai thác quặng sắt; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	0,35%	0,35%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam ⁽²⁾	Thành phố Hà Nội	51,00%	0,00%	Vận tải đường bộ, giao nhận và cho thuê kho bãi; làm thủ tục hải quan, môi giới.
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Liên doanh Bông Sen ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	0,27%	0,27%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.

⁽²⁾ Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Đối với phần lợi nhuận từ liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

⁽³⁾ Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014-2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA chỉ được nhận khoản lợi tức đảm bảo và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

⁽⁴⁾ Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	9.106.935.172	-	14.487.609.354	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	10.294.179.846	-	12.598.464.466	-
- Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	6.692.862.365	-	13.313.411.970	-
- Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	2.855.194.518	-	-	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	3.988.405.994	-	3.104.899.158	-
- Công ty TNHH CK LINE Việt Nam	1.447.123.312	-	3.514.703.287	-
- Công ty TNHH Hóa chất Taiko - Đại Hùng	6.840.545.737	-	4.428.735.240	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	86.726.651.141	(291.273.013)	97.946.688.843	(167.906.367)
	127.951.898.085	(291.273.013)	149.394.512.318	(167.906.367)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	198.010.683	-	125.410.683	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vinam Petrol	-	-	4.516.241.045	-
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	849.970.753	-	1.019.993.582	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	1.000.000.000	-	511.905.331	-
- Trả trước cho người bán khác	2.932.242.735	-	1.252.457.190	-
	4.782.213.488	-	7.300.597.148	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	70.000.000	-	35.000.000	-
- Phải thu về tạm ứng	6.612.572.466	-	6.874.885.420	-
- Ký cược, ký quỹ	993.700.000	-	1.149.245.000	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	11.794.870.336	(96.597.406)	9.814.041.039	(96.597.406)
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	438.519.527	-	1.498.350.961	-
- Phải thu tiền cược cont	-	-	352.000.000	-
- Phải thu khác	471.752.113	-	286.293.111	-
	20.381.414.442	(96.597.406)	20.009.815.531	(96.597.406)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	9.263.634.652	-	8.874.733.470	-
	9.263.634.652	-	8.874.733.470	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	125.410.683	62.705.341
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Niềm tin Vàng	25.826.872	12.913.436	-	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải thủy và Thương mại Tấn Hưng	116.164.246	81.314.972	-	-
+ Shipping Corporation of India	96.597.406	-	96.597.406	-
+ Các đối tượng khác	149.701.456	31.601.836	129.458.481	24.257.456
	513.700.663	125.830.244	351.466.570	86.962.797

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà văn phòng Vitamas	-	5.444.003.264
- Dự án xe đầu kéo, mi rơ móc North Freight	-	6.295.251.818
- Công trình khác	200.522.727	40.000.000
	200.522.727	11.779.255.082

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	92.728.071.790	38.015.819	46.860.558.242	4.793.737.887	144.420.383.738
- Mua trong năm	-	-	8.238.979.999	-	8.238.979.999
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.345.506.118	-	-	-	6.345.506.118
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.430.415.478)	-	(5.430.415.478)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(172.289.600)	-	-	-	(172.289.600)
- Phân loại lại	-	(38.015.819)	-	38.015.819	-
Số dư cuối năm	98.901.288.308	-	49.669.122.763	4.831.753.706	153.402.164.777
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	51.354.506.118	38.015.819	32.172.526.296	4.559.573.148	88.124.621.381
- Khấu hao trong năm	3.943.843.509	-	4.466.003.510	66.465.048	8.476.312.067
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.373.121.523)	-	(5.373.121.523)
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(7.201.378)	-	-	-	(7.201.378)
- Phân loại lại	(7.145.535)	(38.015.819)	(37.521.192)	82.682.546	-
Số dư cuối năm	55.284.002.714	-	31.227.887.091	4.708.720.742	91.220.610.547
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	41.373.565.672	-	14.688.031.946	234.164.739	56.295.762.357
Tại ngày cuối năm	43.617.285.594	-	18.441.235.672	123.032.964	62.181.554.230

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.522.078.131 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.366.192.989 VND.



11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
- Mua trong năm	-	73.500.000	73.500.000
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(1.687.563.804)	-	(1.687.563.804)
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.108.079.300	20.767.171.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.588.716.942	2.004.023.746	3.592.740.688
- Khấu hao trong năm	208.343.388	21.566.668	229.910.056
- Điều chỉnh giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	(427.516.133)	-	(427.516.133)
Số dư cuối năm	1.369.544.197	2.025.590.414	3.395.134.611
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.757.938.586	30.555.554	18.788.494.140
Tại ngày cuối năm	17.289.547.527	82.488.886	17.372.036.413

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.984.579.300 VND.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.584.104.356	74.584.104.356
Số dư cuối năm	74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	37.203.713.404	37.203.713.404
- Khấu hao trong năm	3.966.210.298	3.966.210.298
Số dư cuối năm	41.169.923.702	41.169.923.702
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	37.380.390.952	37.380.390.952
Tại ngày cuối năm	33.414.180.654	33.414.180.654

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	98.666.879	40.718.318
- Chi phí làm hàng	8.392.963.750	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	185.361.387	133.470.833
	8.676.992.016	174.189.151
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	401.564.144	122.752.522
- Tiền thuê đất trả trước (*)	59.593.009.577	59.627.826.538
- Chi phí sửa chữa tài sản	965.016.027	1.743.918.680
- Chi phí trả trước dài hạn khác	178.041.907	78.811.299
	61.137.631.655	61.573.309.039

(*) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2019 là 56.938.677.244 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2019 là 58.156.616.860 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm 2019 là 1.217.939.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. (Xem thêm thuyết minh 2.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ^(*)	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	96.000.000	96.000.000	-	96.000.000	-	-
	156.000.000	156.000.000	60.000.000	156.000.000	60.000.000	60.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ^(*)	255.000.000	255.000.000	-	60.000.000	195.000.000	195.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	344.000.000	344.000.000	-	344.000.000	-	-
	599.000.000	599.000.000	-	404.000.000	195.000.000	195.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(156.000.000)	(156.000.000)	(60.000.000)	(156.000.000)	(60.000.000)	(60.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	443.000.000	443.000.000			135.000.000	135.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 19/NHNT-BĐ ngày 05/02/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000 VND;
- Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ thời điểm giải ngân là 8,6%/năm, và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 24 tháng trả lãi sau của VCB cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 195.000.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 60.000.000 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	831.882.221	831.882.221	8.202.300.393	8.202.300.393
- Iata Vietnam Company Limited	4.431.004.547	4.431.004.547	6.032.842.269	6.032.842.269
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	4.608.170.000	4.608.170.000	7.369.540.200	7.369.540.200
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.147.318.309	3.147.318.309	3.183.195.501	3.183.195.501
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.250.601.027	2.250.601.027	2.017.422.521	2.017.422.521
- Công ty TNHH Thăng Lá	2.696.574.810	2.696.574.810	3.388.011.377	3.388.011.377
- Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh doanh Đầu tư Logistic Expert	2.606.309.971	2.606.309.971	1.653.737.995	1.653.737.995
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.321.430.270	1.321.430.270	1.649.580.950	1.649.580.950
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	5.160.856.547	5.160.856.547	1.827.356.062	1.827.356.062
- Phải trả các đối tượng khác	54.468.251.438	54.468.251.438	68.198.134.374	68.198.134.374
	81.522.399.140	81.522.399.140	103.522.121.642	103.522.121.642
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	742.829.979	742.829.979	2.496.991.841	2.496.991.841

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trumpway International Trading Limited	-	1.940.083.104
- Fortune Maker Global LTD	-	4.051.816.008
- Các khoản phải trả khác	7.604.786.398	11.439.216.541
	7.604.786.398	17.431.115.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	637.482.211	9.845.290.905	9.752.234.656	-	749.799.384
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	812.279.406	812.279.406	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.748.904.789	5.881.391.807	6.878.964.919	-	751.331.677
- Thuế thu nhập cá nhân	36.821.483	522.378.263	2.683.622.196	3.245.461.934	273.265.897	196.982.939
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.509.244.792	4.723.075.687	5.813.227.379	-	419.093.100
- Các loại thuế khác	1.000.000	8.510.746.825	31.318.796.447	37.529.222.361	499.999.999	2.799.320.910
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	-	8.510.746.825	31.299.796.447	37.511.222.361	499.999.999	2.799.320.910
+ Các loại thuế khác	1.000.000	-	19.000.000	18.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	714.974.774	214.371.566	-	500.603.208
	37.821.483	12.928.756.880	55.979.431.222	64.245.762.221	773.265.896	5.417.131.218

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí làm hàng	2.364.278.379	2.375.423.117
- Trích trước chi phí vận chuyển	395.495.395	92.089.504
- Trích trước giá vốn	-	435.280.000
- Chi phí tư vấn, giám sát và thi công nhà 44 - 46 Nguyễn Tất Thành	344.029.441	1.382.336.713
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.084.173.862	852.184.705
	4.187.977.077	5.137.314.039
b) Dài hạn		
- Chi phí phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
	500.000.000	500.000.000

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.247.092.939	1.001.818.293
- Bảo hiểm xã hội	18.899.964	59.320.844
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.253.903.335	503.258.335
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.326.885.729	11.974.372.742
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	46.559.270.796	69.379.493.472
- Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	18.279.722.619	18.163.594.717
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	505.494.557	474.277.577
	78.928.657.379	105.293.523.420
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	891.726.084	801.551.434
	891.726.084	801.551.434

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	280.000.000	181.818.182
	280.000.000	181.818.182

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	128.149.940.000	106.923.530.597	13.661.445.019	78.681.966.290	327.416.881.906
Tăng vốn trong năm trước	12.814.920.000	(12.814.920.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	51.589.631.900	51.589.631.900
Trích lập các quỹ	-	8.920.425.768	1.338.063.865	(10.258.489.633)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.128.080.883)	(6.128.080.883)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(25.629.988.000)	(25.629.988.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(752.921.318)	-	(752.921.318)
Số dư tại ngày 31/12/2018	140.964.860.000	103.029.036.365	14.246.587.566	88.255.039.674	346.495.523.605
Số dư tại ngày 01/01/2019	140.964.860.000	103.029.036.365	14.246.587.566	88.255.039.674	346.495.523.605
Lãi trong năm nay	-	-	-	36.313.548.374	36.313.548.374
Trích lập các quỹ ^(*)	-	10.317.926.380	1.547.688.957	(11.865.615.337)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	-	-	(8.161.444.785)	(8.161.444.785)
Chi trả cổ tức năm nay	-	-	-	(28.192.972.000)	(28.192.972.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.554.273.798)	-	(1.554.273.798)
Số dư tại ngày 31/12/2019	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	100,00	51.589.631.900
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	10.317.926.380
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15,00	7.738.444.785
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,82	423.000.000
Trích quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	3,00	1.547.688.957
Chi trả cổ tức 20%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 đồng)	54,65	28.192.972.000
Lợi nhuận còn lại năm 2018 chưa phân phối	6,53	3.369.599.778

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	51,05	71.968.380.000	51,05	71.968.380.000
- Các cổ đông khác	48,95	68.996.480.000	48,95	68.996.480.000
	100	140.964.860.000	100	140.964.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	128.149.940.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	12.814.920.000
- Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	503.258.335	519.175.835
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	28.192.972.000	25.629.988.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	28.192.972.000	25.629.988.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(27.442.327.000)	(25.645.905.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.253.903.335	503.258.335

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	113.346.962.745	103.029.036.365
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	14.240.002.725	14.246.587.566
	127.586.965.470	117.275.623.931

(*) Chi tiết bao gồm:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ	11.650.000.000	11.650.000.000
Quy đổi ngoại phát triển kinh doanh	2.590.002.725	2.596.587.566
	14.240.002.725	14.246.587.566

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt chi nhánh để sử dụng với mục đích làm kho bãi cung cấp dịch vụ thời hạn từ 02 đến 50 năm. Tổng diện tích khu đất thuê là 115.099 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	6.566.526.837	9.079.884.344
- Trên 1 năm đến 5 năm	16.084.719.291	16.410.375.146
- Trên 5 năm	69.324.407.057	70.273.366.172
	91.975.653.185	95.763.625.662

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ (USD)	2.573.438,56	2.880.559,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Daiichia Chuo Marine Co., Ltd	5.575.895.635	5.575.895.635
	5.575.895.635	5.575.895.635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu đại lý tàu	102.400.542.834	102.947.565.573
Doanh thu đại lý vận tải	565.213.720.582	622.660.863.658
Doanh thu kinh doanh kho bãi	110.489.967.829	78.462.396.652
Doanh thu kiểm kiện	26.810.331.787	26.726.437.630
Doanh thu đại lý Liner	22.387.130.550	27.533.693.724
Doanh thu dịch vụ khác	51.031.706.328	56.472.838.739
	878.333.399.910	914.803.795.976
	506.760.540	212.721.448

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn đại lý tàu	75.772.622.888	78.034.618.971
Giá vốn đại lý vận tải	540.938.532.259	594.168.705.809
Giá vốn kinh doanh kho bãi	103.221.250.225	71.252.004.103
Giá vốn kiểm kiện	15.563.079.233	17.182.463.559
Giá vốn đại lý Liner	11.092.382.642	13.853.839.874
Giá vốn dịch vụ khác	42.409.153.631	47.970.918.874
	788.997.020.878	822.462.551.190

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.581.257.413	6.260.315.031
Lãi bán các khoản đầu tư	-	33.614.278.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.658.446.935	16.653.125.329
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.195.021.793	3.279.187.311
	25.434.726.141	59.806.906.489
	16.658.446.935	16.653.125.329

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	38.245.232	55.996.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.522.625.352	1.434.509.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	129.970.085	159.512.859
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.233.358.350	2.279.939.412
Chi phí tài chính khác	196.018	432.932.452
	3.924.395.037	4.362.890.560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.530.947.550	3.439.599.828
Chi phí nhân công	46.352.123.140	47.846.473.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.176.874.283	2.847.990.415
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(7.852.912.504)	7.186.191.782
Thuế, phí, lệ phí	5.533.519.026	4.910.065.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.599.921.645	15.912.500.880
Chi phí khác bằng tiền	2.934.981.898	3.132.291.602
	69.275.455.038	85.275.113.420

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.355.896.953	336.454.545
Thu nhập khác	128.971.379	70.541.917
	1.484.868.332	406.996.462

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	811.848.857	1.572.692.875
Chi phí khác	49.334.392	9.903.587
	861.183.249	1.582.596.462

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	42.194.940.181	61.334.547.295
Các khoản điều chỉnh tăng	2.040.977.638	2.392.588.070
- Chi phí không hợp lệ	369.167.105	140.011.192
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	193.584.598	323.052.003
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	304.167.901	-
- Tiền phạt vi phạm hành chính	818.858.034	1.572.692.875
- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	355.200.000	356.832.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.041.359.382)	(31.087.846.334)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(59.860.444)	(304.167.901)
- Hoàn nhập lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước	(323.052.003)	(23.139.482)
- Cổ tức được chia	(16.658.446.935)	(16.653.125.329)
- Chênh lệch góp vốn VosaLan đã tính tại BB xác nhận số liệu tổng hợp và QĐ 1706/QĐ-CT ngày 23/04/2018 "V/v xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh"	-	(14.107.413.622)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	27.194.558.437	32.639.289.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.438.911.687	6.527.857.806
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	442.480.120	3.217.057.589
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.748.904.789	632.603.782
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.878.964.919)	(8.628.614.388)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	751.331.677	1.748.904.789

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.313.548.374	51.589.631.900
Các khoản điều chỉnh	(4.720.761.289)	(7.949.944.785)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(4.720.761.289)	(7.949.944.785)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.592.787.085	43.639.687.115
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.241	3.096

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 12% và 1% Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2019.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	10.367.286.630	7.923.407.592
Chi phí nhân công	112.041.590.894	113.408.617.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.672.432.421	11.887.158.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.650.039.596	732.445.967.064
Chi phí khác bằng tiền	33.394.038.879	36.312.693.191
	866.125.388.420	901.977.843.465

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	172.124.412.050	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.596.947.179	(387.870.419)	178.279.061.319	(264.503.773)
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	61.001.500.000	-
Đầu tư dài hạn	2.520.000.000	(975.000.000)	2.520.000.000	-
	340.900.606.123	(1.362.870.419)	413.924.973.369	(264.503.773)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	195.000.000	599.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	161.342.782.603	209.617.196.496
Chi phí phải trả	4.687.977.077	5.637.314.039
	166.225.759.680	215.853.510.535

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000
	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	2.520.000.000	2.520.000.000
	-	-	2.520.000.000	2.520.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	-	179.783.658.944
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.945.442.108	9.263.634.652	-	157.209.076.760
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	328.729.101.052	9.263.634.652	-	337.992.735.704
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.124.412.050	-	-	172.124.412.050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	169.139.824.076	8.874.733.470	-	178.014.557.546
Các khoản cho vay	61.001.500.000	-	-	61.001.500.000
	402.265.736.126	8.874.733.470	-	411.140.469.596

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	60.000.000	135.000.000	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	160.451.056.519	891.726.084	-	161.342.782.603
Chi phí phải trả	4.187.977.077	-	500.000.000	4.687.977.077
	164.699.033.596	1.026.726.084	500.000.000	166.225.759.680
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	156.000.000	443.000.000	-	599.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	208.815.645.062	801.551.434	-	209.617.196.496
Chi phí phải trả	5.137.314.039	-	500.000.000	5.637.314.039
	214.108.959.101	1.244.551.434	500.000.000	215.853.510.535

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	2.968.889.940
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	404.000.000	2.809.889.940

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên
 Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
 Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
 Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
 Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitraschart)
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)
 Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)
 Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang
 Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam
 Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)
 Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd
 Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam
 Công ty liên doanh Bông Sen

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Công ty nhận vốn đầu tư
 Bên liên doanh
 Công ty nhận vốn đầu tư
 Công ty nhận vốn đầu tư

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	506.760.540	212.721.448
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	108.000.000	108.305.098
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitraschart)	30.305.000	12.727.273
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	88.083.500	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	15.427.727
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	5.915.000	8.941.350
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	68.685.473	67.320.000
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	66.770.050	-
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	139.001.517	-
Chia trả Cổ tức	14.393.676.000	13.085.160.000
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	14.393.676.000	13.085.160.000
Góp vốn	2.790.600.000	-
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	2.790.600.000	-
Cổ tức được chia	16.658.446.935	16.653.125.329
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	35.000.000	35.000.000
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	15.674.393.059	15.674.468.059
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	926.400.000	911.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	22.653.876	32.657.270

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	198.010.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	72.600.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn	742.829.979	2.496.991.841
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	164.448.000
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	611.441.244	766.765.382
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	1.051.971.032
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	131.388.735	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	-	513.807.427
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	99.379.945	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	33.311.704	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	66.068.241	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.176.775.392	1.535.386.541
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.661.993.329	4.540.559.636

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

	Mã số	Trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước VND
Báo cáo Kết quả kinh doanh			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	MS 70	3.096	3.217 ^r

Người lập

Phó Trưởng Ban TCKT phụ trách

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc phụ trách





Trần Thị Huế

Võ Trung Thắng

Nguyễn Thị Thanh Trang